

Số: 47/2016/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 21 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục, xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 778/TTr-SKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2016 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 181/BC-STP ngày 26 tháng 10 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Nam Định và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND và UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như điều 3;
- Công báo tỉnh; Website tỉnh;
- Lưu: VP1, VP5.TLT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Đình Nghị

QUY ĐỊNH

Về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định
(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày
21 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh Nam Định)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định, dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài); dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án); đề án khoa học (sau đây gọi tắt là đề án); dự án khoa học và công nghệ; chương trình khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là chương trình) trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nghị định thư, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến bí mật quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, tổ chức và cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh* (sau đây gọi tắt là *đề xuất đặt hàng*) là các yêu cầu đặt ra cho khoa học và công nghệ dưới dạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nhằm thực hiện yêu cầu của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh hoặc đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển khoa học và công nghệ cho các sở, ban ngành, huyện và tỉnh do các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan nhà nước khác ở tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện) *đề xuất* với Ủy ban nhân dân tỉnh để *đặt hàng* các tổ chức và cá nhân thực hiện.

2. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng* là đề tài, dự án; đề án; dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình có tên gọi và các mục thể hiện yêu cầu cơ bản đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ làm căn cứ để Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

3. *Tuyển chọn* là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ theo đặt hàng của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí nêu trong Quy định này.

4. *Giao trực tiếp* là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ theo đặt hàng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tài chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm kinh phí thực hiện các nội dung và kinh phí quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Kinh phí thực hiện nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm kinh phí được hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn hợp pháp khác. Nguồn kinh phí này được cân đối về Sở Khoa học và Công nghệ để giao cho tổ chức chủ trì chỉ cho thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo tiến độ của hợp đồng.

Khuyến khích tổ chức và cá nhân tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ.

3. Kinh phí quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và được cân đối về Sở Khoa học và Công nghệ để chỉ cho các hoạt động quản lý.

4. Việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định về quản lý tài chính khoa học và công nghệ hiện hành.

5. Căn cứ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể, có thể áp dụng phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc phương thức khoán chi từng phần. Cơ chế quản lý kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, hoặc phương thức khoán chi từng phần được áp dụng theo Thông tư Liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÁC ĐỊNH DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Đáp ứng các tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

3. Có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra và được lãnh đạo sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện cam kết sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành. Tổ chức, cơ quan ứng dụng kết quả dự kiến có đủ uy tín và năng lực để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả sản phẩm tạo ra.

4. Có yêu cầu thời gian (tính từ thời điểm đặt hàng đến thời điểm có kết quả) phù hợp để đảm bảo tính khả thi cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Việc tổ chức xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được tổ chức định kỳ mỗi năm 2 đợt, trường hợp đột xuất cấp bách do Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện.

Điều 5. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Yêu cầu đối với đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm

Đề tài, dự án phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại, cụ thể như sau:

a) Yêu cầu chung

Có tính cấp thiết cao hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh.

Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện trong tỉnh. Ngoại trừ các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp nông thôn được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị tiếp tục mở rộng trước khi bàn giao kết quả để nhân rộng.

b) Yêu cầu riêng đối với đề tài

Đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (sau đây gọi là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến: có triển vọng tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng tại Nam Định; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng;

Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại Nam Định hoặc Việt Nam thông qua các công bố trong nước và quốc tế hoặc có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội.

c) Yêu cầu riêng đối với dự án

Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích hoặc từ kết quả dự án sản xuất thử cấp tỉnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp nông thôn có hiệu quả kinh tế - xã hội nhưng đang ở quy mô nhỏ và được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị tiếp tục thực hiện dự án sản xuất thử với quy mô lớn hơn đúng theo quy định kỹ thuật do ngành nông nghiệp đã ban hành trước khi khuyến cáo nhân rộng; Thời gian thực hiện không quá 24 tháng kể từ khi ký hợp đồng thực hiện.

Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt;

Có khả năng huy động được nguồn kinh phí để thực hiện thông qua sự cam kết hợp tác với doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước.

2. Yêu cầu đối với đề án khoa học

Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

3. Yêu cầu đối với dự án khoa học và công nghệ

a) Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

b) Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực.

c) Có phương án tin cậy trong việc huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách và được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận tài trợ hoặc bảo đảm.

d) Tiến độ thực hiện phù hợp với tiến độ triển khai dự án đầu tư sản xuất, đề án phát triển kinh tế - xã hội; có thời gian thực hiện không quá 5 năm.

4. Yêu cầu đối với chương trình khoa học và công nghệ

a) Có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ phục vụ một trong định hướng lớn sau: phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong một hoặc một số lĩnh vực trong giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của tỉnh hoặc phục vụ chương trình mục tiêu của tỉnh;

b) Nội dung bao gồm những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quan hệ trực tiếp và gián tiếp với nhau về chuyên môn và phù hợp với nguồn lực khoa học và công nghệ trong nước.

c) Các kết quả đều thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình.

d) Có thời gian thực hiện không quá 10 năm và tiến độ triển khai phù hợp với mục tiêu của chương trình.

Điều 6. Trình tự xác định nhiệm vụ đặt hàng

1. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng đề xuất đặt hàng gửi về Sở Khoa học và Công nghệ. Nhiệm vụ của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện bao gồm:

Thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của tỉnh, sở, ban ngành và huyện và thời hạn để các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân được thực hiện theo Mẫu A1-ĐXNV của Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

Tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và tự đề xuất những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết.

Tổ chức hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xem xét lựa chọn, hoàn thiện từ các vấn đề khoa học và công nghệ đã được tổng hợp để xây dựng đề xuất đặt hàng đáp ứng các yêu cầu yêu cầu tại Điều 4 Quy định này (theo mẫu của Phụ lục I ban kèm theo Quy định này: đề tài hoặc đề án theo mẫu B1-ĐXĐH; dự án theo Mẫu B2-ĐXĐH; dự án khoa học và công nghệ theo Mẫu B3-ĐXĐH và chương trình khoa học và công nghệ theo Mẫu B4-ĐXĐH).

Lãnh đạo sở, ban ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký duyệt và gửi *đề xuất đặt hàng* và cam kết sử dụng, nhân rộng kết quả cho Sở Khoa học và Công nghệ. Hồ sơ *đề xuất đặt hàng* gửi Sở Khoa học và Công nghệ bao gồm:

a) Công văn đề xuất đặt hàng và cam kết sử dụng, nhân rộng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Phiếu đề xuất đặt hàng theo các mẫu yêu cầu tại Khoản 1 Điều này;

c) Biên bản làm việc của hội đồng tư vấn đối với *đề xuất đặt hàng*.

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ đề xuất đặt hàng về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 30/4 và 30/10 hàng năm.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết; kết quả các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp nông thôn đã được Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và đề nghị mở rộng quy mô trước khi bàn giao kết quả để nhân rộng và nhiệm vụ từ Lãnh đạo tỉnh đặt hàng.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất đặt hàng tại mục 1, 2 điều này và tiến hành rà soát, hoàn chỉnh danh mục đề xuất đặt hàng trình hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh (trường hợp cần thiết Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể thành lập Hội đồng hoặc tổ chuyên gia để xin ý kiến tư vấn). Nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ trong việc này là:

Trên cơ sở định hướng ưu tiên đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ và nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học cân đối trong năm thống nhất về số lượng và tiến hành rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên cho các nhiệm vụ theo lĩnh vực, ngành và trong từng lĩnh vực.

Rà soát, bổ sung, chỉnh sửa lại mục tiêu, nội dung, địa chỉ ứng dụng và khả năng mở rộng của các nhiệm vụ trong danh mục kiến nghị đề xuất đặt hàng. Đối với các nhiệm vụ chưa rõ thì tiến hành làm việc lại với cơ quan đặt hàng để khẳng định lại.

Lập báo cáo bằng văn bản về kết quả rà soát và hoàn chỉnh danh mục các nhiệm vụ đề xuất đặt hàng trình phiên họp Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh xem xét.

4. Tổ chức Hội nghị Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh xem xét đánh giá tư vấn danh mục nhiệm vụ đề xuất đặt hàng.

a) Thành phần tham dự: Các Thành viên Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; các chuyên gia có chuyên môn phù hợp với các nhiệm vụ đề xuất đặt hàng do Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu thành lập và đại diện lãnh đạo các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có nhiệm vụ đặt hàng.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh bao gồm:

Thảo luận, xem xét, thẩm định và thống nhất danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đưa vào thực hiện do Sở Khoa học và Công nghệ tư vấn và có

thể bổ sung các nhiệm vụ ngoài danh mục do Sở Khoa học và Công nghệ trình nhưng phải từ nguồn do các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện đã đặt hàng.

Các thành viên Hội đồng bổ phiếu thống nhất danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề nghị thực hiện.

Thư ký lập Biên bản làm việc của Hội đồng.

c) Sở Khoa học và Công nghệ chuẩn bị tài liệu và các mẫu biểu phục vụ phiên họp Hội đồng.

Điều 7. Phê duyệt và công bố nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng

1. Trên cơ sở danh mục đề tài, dự án; đề án; dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình do hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh đề xuất, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ và giao Sở Khoa học và Công nghệ công bố công khai đề tài, dự án, đề án, dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình đặt hàng để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

3. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có *đề xuất đặt hàng* trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng.

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

Mục 1

NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN THAM GIA TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP

Điều 8. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nguyên tắc chung:

a) Tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (skhcn.namdinh.gov.vn hoặc khcnnamdinh.vn) hoặc các phương tiện thông tin đại chúng, trừ các nhiệm vụ thuộc bí mật quốc gia và đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng;

b) Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn tuyển chọn đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo phương thức tuyển chọn và Hội đồng tư vấn giao trực tiếp đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ

nghệ được giao trực tiếp (sau đây gọi là hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp hoặc hội đồng) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập;

c) Trên cơ sở tư vấn của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có quyền lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Việc đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được tiến hành bằng cách chấm điểm theo các tiêu chí, thang điểm do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn;

đ) Mỗi cá nhân chỉ được đăng ký chủ nhiệm một (01) nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Khuyến khích việc hợp tác thực hiện giữa các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Nguyên tắc tuyển chọn:

a) Đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Tuyển chọn được áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện;

c) Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác trong thời gian 30 ngày làm việc để tổ chức và cá nhân tham gia tuyển chọn chuẩn bị hồ sơ đăng ký.

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao trực tiếp phải đáp ứng một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Luật Khoa học và Công nghệ; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực nông nghiệp nông thôn đã nghiệm thu và được hội đồng đánh giá nghiệm thu kiến nghị mở rộng quy mô để khẳng định kết quả trước khi chuyển giao kết quả cho các ngành khuyến cáo nhân rộng (đối với các đề tài, dự án); các dự án do doanh nghiệp đề xuất đặt hàng và trực tiếp triển khai gắn với kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp và đảm bảo các nguyên tắc chung quy định tại Khoản 1 Điều này.

Giao trực tiếp được thực hiện bằng hình thức gửi văn bản đến tổ chức, cá nhân được chỉ định để yêu cầu chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi đã có ý kiến của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

Điều 9. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các tổ chức khoa học và công nghệ có tư cách pháp nhân, có đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quyền tham gia đăng ký

tuyển chọn hoặc được xét giao trực tiếp chủ trì thực hiện, trừ một trong các trường hợp sau đây:

a) Đến thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các dự án trước đây;

b) Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu trên 30 ngày mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ sẽ không được tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày kết thúc hợp đồng.

c) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ hoặc sau khi kết thúc mà không triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và yêu cầu của bên đặt hàng, không được đăng ký tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian ba (03) năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

d) Không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; không báo cáo ứng dụng kết quả của nhiệm vụ theo quy định sẽ không được đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian hai (02) năm.

2. Đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

a) Có trình độ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học với nhiệm vụ trong năm (05) năm gần đây, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Là người chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (bao gồm: đề tài, dự án thuộc chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh; đề án khoa học cấp tỉnh; đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh);

b) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh chậm theo quy định hiện hành từ 30 ngày đến 6 tháng mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian hai (02) năm;

c) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” mà không được Sở Khoa học và Công nghệ gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả hoặc được gia hạn nhưng hết thời hạn cho phép vẫn chưa hoàn thành kết quả sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn ba (03) năm kể từ thời điểm có kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh;

d) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 2

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 10. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức và cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng dẫn và các Biểu mẫu của Phụ lục II kèm theo Quy định này:

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu B1-1-GĐK) .

3. Thuyết minh đề tài (Biểu B1-2a-TMĐTCN hoặc Biểu B1-2b-TMĐTXH); thuyết minh dự án (Biểu B1-2c-TMDA); thuyết minh đề án (Biểu B1-2d-TMĐA).

4. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu B1-3-LLTC) và gửi kèm theo kết quả đánh giá hoạt động hàng năm của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có);

5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (Biểu B1-4-LLCN).

6. Sơ yếu lý lịch khoa học của chuyên gia nước ngoài kèm theo giấy xác nhận về mức lương chuyên gia (trường hợp thuê chuyên gia nước ngoài).

7. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có), (Biểu B1-5-PHNC).

8. Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học và công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện (trường hợp có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác).

9. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật phải có vốn đối ứng: Văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước (báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong 02 năm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng; cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia dự án).

10. Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Đề xuất phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

Điều 11. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gồm mười một (11) bộ hồ sơ, gồm: mười (10) bộ hồ sơ photo và một (01) bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

a) Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (tên, mã số của chương trình - nếu có);

b) Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì và tổ chức tham gia phối hợp thực hiện (chỉ ghi danh sách tổ chức đã có xác nhận tham gia phối hợp);

c) Họ tên của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và danh sách cá nhân tham gia chính thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

2. Hồ sơ và thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện về địa chỉ theo thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ Nam Định được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Ngày chứng thực nhận hồ sơ là ngày ghi ở dấu của bưu điện (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc dấu đến của Sở Khoa học và Công nghệ Nam Định (trường hợp nộp trực tiếp tại Sở Khoa học và Công nghệ).

4. Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới và bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

Điều 12. Mở và kiểm tra xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ Nam Định tiến hành lập hội đồng mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ với sự tham dự của đại diện các cơ

quan liên quan (nếu cần), đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp.

2. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu và đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Quy định này.

3. Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản theo mẫu Biểu B2-1-BBHS của Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

Mục 3

HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP VÀ TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 13. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

2. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có từ 09 đến 11 thành viên gồm chủ tịch, phó chủ tịch, hai (02) ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học là chuyên viên quản lý nhiệm vụ và các ủy viên, trong đó:

a) Hai phần ba (2/3) thành viên là các chuyên gia có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được lựa chọn;

b) Một phần ba (1/3) thành viên là đại diện của cơ quan đặt hàng, cơ quan đề xuất đặt hàng, nhà quản lý hoặc nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ tư vấn;

c) Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ mời chuyên gia ở ngoài hội đồng có am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ để nhận xét và đánh giá hồ sơ.

3. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp:

a) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Các chuyên gia, các ủy viên phản biện đã tham gia hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ưu tiên mời tham gia hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương ứng.

5. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là tổ thẩm định) có bảy (07) thành viên, trong đó:

a) Tổ trưởng tổ thẩm định là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ;

- b) Một (01) tổ phó tổ thẩm định là lãnh đạo cấp phòng của Sở Tài chính;
- c) Thành phần các tổ viên bao gồm: 01 thành viên Sở Tài chính; 03 thành viên Sở Khoa học và Công nghệ;
- d) Một (01) tổ viên thư ký hành chính là chuyên viên quản lý nhiệm vụ;
- e) Trường hợp cần thiết (các nhiệm vụ phức tạp, căn cứ xây dựng dự toán chưa rõ và các nhiệm vụ khác mà cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thấy cần thiết phải mời chuyên gia) thì Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể mời thêm từ 1-2 chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực liên quan đến đề tài, đề án, dự án cần thẩm định đề tư vấn.

6. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết phương thức làm việc của Hội đồng và tổ thẩm định theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Chuẩn bị cho các phiên họp của hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và tổ thẩm định kinh phí

Tài liệu gửi tới tất cả thành viên hội đồng và thành viên tổ thẩm định hoặc chuyên gia (nếu có) tối thiểu là năm (05) ngày trước phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp và ba (03) ngày trước phiên họp thẩm định.

1. Hồ sơ phục vụ của phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:

- a) Quyết định thành lập hội đồng và danh sách kèm theo;
- b) Trích lục danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt;
- c) Bản sao hồ sơ gốc của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp;
- d) Phiếu nhận xét nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các Biểu mẫu do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn theo quy định của pháp luật;
- đ) Tài liệu liên quan khác.

2. Hồ sơ phục vụ phiên họp thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- a) Bản giải trình của chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các nội dung đã chỉnh sửa (nếu có) kèm theo thuyết minh và dự toán chi tiết;
- b) Biên bản kết luận của hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp;
- c) Phiếu thẩm định nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các mẫu Biểu do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn theo quy định của pháp luật;
- d) Đề xuất phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần;
- e) Các hồ sơ khác có liên quan.

Mục 4

CHUYÊN GIA TƯ VẤN ĐỘC LẬP

Điều 15. Chuyên gia tư vấn độc lập

1. Chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có thâm niên công tác trong cùng lĩnh vực được mời tư vấn từ mười (10) năm trở lên;

b) Có tư cách đạo đức tốt, có năng lực hành vi dân sự.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc lựa chọn chuyên gia tư vấn độc lập.

Điều 16. Thủ tục lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến của ít nhất hai (02) chuyên gia độc lập trong những trường hợp sau đây:

a) Hội đồng tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ không thống nhất về kết quả tuyển chọn, xét giao trực tiếp;

b) Hội đồng có biểu hiện vi phạm các quy định về việc tuyển chọn, xét giao trực tiếp;

c) Có khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động và kết luận của hội đồng.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chuẩn bị và gửi các tài liệu sau đây tới chuyên gia tư vấn độc lập:

a) Công văn của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ nhiệm vụ mời chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp;

b) Các tài liệu theo quy định tại điểm c, d, Khoản 1 Điều 14 của Quy định này;

c) Hai (02) phong bì dán sẵn tem bưu điện và ghi rõ tên, địa chỉ người nhận là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Mục 5

PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 17. Phê duyệt kết quả

1. Trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, rà soát các hồ sơ. Trong trường hợp cần thiết có thể lấy ý kiến của các chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại Điều 15, Điều 16 của Quy định này hoặc kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được kiến nghị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trên cơ sở kết luận của hội đồng, của tổ thẩm định và kết quả rà soát, đề nghị của các đơn vị chức năng hoặc ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc giao trực tiếp chủ trì hoàn chỉnh hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, tổng hợp hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và kinh phí, phương thức thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ.

3. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ lần cuối trong thời hạn 15 ngày (kể từ ngày có quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện) và gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tiến hành ký kết hợp đồng, làm căn cứ bố trí kế hoạch thực hiện.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi ký quyết định phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp và đăng tải tối thiểu 60 ngày trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 18. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng với tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc giao trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện.

2. Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh thực hiện theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ".

Điều 19. Chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, kiểm tra, giám sát việc thực hiện

1. Định kỳ 06 tháng một lần, hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ cấp tỉnh xây dựng báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ và sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đặt hàng. Trường hợp tổ chức chủ trì không thực hiện việc báo cáo tiến độ đúng quy định từ 02 lần trở lên thì sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất đặt hàng kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo hợp đồng đã ký.

Điều 20. Điều chỉnh hợp đồng thực hiện

1. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí trong tổng kinh phí được giao khoán theo quy định.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định điều chỉnh về tổ chức chủ trì, tên, mục tiêu, sản phẩm, tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được phê duyệt và các nội dung khác thuộc phạm vi hợp đồng đã ký

trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ cấp tỉnh đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

3. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng.

Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng.

Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ.

4. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của cơ quan đề xuất đặt hàng, cơ quan liên quan trước khi quyết định điều chỉnh.

5. Các văn bản điều chỉnh hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

6. Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc theo phương thức khoán chi từng phần, được thực hiện theo Thông tư Liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Mục 1

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẤP TỈNH

Điều 21. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ (sau đây gọi là Tổ chức chủ trì) có trách nhiệm tự đánh giá (thông qua Hội đồng tư vấn) kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Kết quả tự đánh giá được tổng hợp và báo cáo theo Mẫu 1 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này.

3. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết nội dung, yêu cầu đối với sản phẩm, phương pháp đánh giá và xếp loại nhiệm vụ.

Điều 22. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh

Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh bao gồm:

1. Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh của tổ chức chủ trì theo Mẫu 2 tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.
3. Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ.
4. Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ.
5. Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).
6. Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của nhiệm vụ.
7. Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ.
8. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.
9. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.
10. Các tài liệu khác (nếu có).

Điều 23. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Thời hạn nộp hồ sơ: Việc nộp hồ sơ thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có).
2. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến đơn vị quản lý nhiệm vụ, gồm: 10 bộ hồ sơ, bao gồm: 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) và 09 bộ hồ sơ phô tô và 01 bản điện tử (dạng PDF, không cài bảo mật).
3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ phải thông báo cho tổ chức chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ theo Mẫu 3 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì Tổ chức chủ trì phải bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 24. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
2. Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh (sau đây gọi là Tổ chuyên gia) được thành lập trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm đo kiểm được. Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của nhiệm vụ.
3. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh (sau đây gọi là Hội đồng đánh giá, nghiệm thu) có 09 thành viên bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên khác, trong đó:
 - a) 05 thành viên là chuyên gia khoa học và công nghệ và 04 thành viên là chuyên gia đại diện cho Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, cơ quan đề xuất đặt hàng, trong đó có ít nhất 01 thành

viên đã tham gia hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ;

b) Thành viên là chuyên gia khoa học và công nghệ quy định tại điểm a Khoản này làm việc tại tổ chức chủ trì có thể tham gia hội đồng nhưng không được làm chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học.

4. Tổ chuyên gia có 03 thành viên gồm các thành viên của hội đồng do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng làm tổ trưởng.

5. Những trường hợp không được tham gia Hội đồng:

a) Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác;

d) Người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

6. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nhiệm vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với quy định tại các khoản 3 Điều này.

Điều 25. Phiên họp của hội đồng đánh giá, nghiệm thu

1. Tài liệu đánh giá, nghiệm thu được quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 9 Điều 22 Quy định này và biên nhận hồ sơ theo Mẫu 3 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này phải được Sở Khoa học và Công nghệ gửi đến các thành viên hội đồng và tổ chuyên gia (nếu có) trước phiên họp ít nhất 07 ngày làm việc.

2. Phiên họp hội đồng được tổ chức trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập hội đồng và Hội đồng chỉ tiến hành họp khi bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ đã nhận được đầy đủ ý kiến nhận xét bằng văn bản của tất cả thành viên hội đồng và ý kiến thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) ít nhất 01 ngày làm việc trước phiên họp hội đồng;

b) Phiên họp hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên hội đồng tham dự, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch được ủy quyền khi chủ tịch vắng mặt và 02 ủy viên phản biện và ủy viên thư ký khoa học.

3. Thành phần tham dự các phiên họp của hội đồng:

a) Thành viên hội đồng, chủ nhiệm nhiệm vụ, đại diện tổ chức chủ trì, đại diện cơ quan chủ quản, đại diện các đơn vị có liên quan và các thành viên khác do Sở Khoa học và Công nghệ mời trong trường hợp cần thiết;

b) Sở Khoa học và Công nghệ cử thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của hội đồng.

4. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết phương thức đánh giá và xếp loại nhiệm vụ của Hội đồng.

Điều 26. Tư vấn độc lập

1. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc tổ chức lấy ý kiến tư vấn độc lập trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng không thống nhất về kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ;

b) Hội đồng có vi phạm các quy định đánh giá, nghiệm thu tại Quy định này;

c) Có khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động và kết luận của Hội đồng trước khi quyết định công nhận kết quả.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ mời 02 (hai) chuyên gia hoặc 01 (một) tổ chức tư vấn độc lập đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Ý kiến của các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập là căn cứ bổ sung để Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đưa ra các kết luận cuối cùng trước khi quyết định nghiệm thu.

3. Yêu cầu đối với chuyên gia tư vấn độc lập và thủ tục lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập được quy định tại Điều 15, Điều 16 của Quy định này.

4. Yêu cầu đối với tổ chức tư vấn độc lập: Là tổ chức có năng lực và kinh nghiệm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; có kinh nghiệm trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ hoặc sản xuất sản phẩm tương đương sản phẩm của nhiệm vụ; có đội ngũ cán bộ có trình độ cao về lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ.

Điều 27. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Nhiệm vụ được quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê và bàn giao theo quy định hiện hành.

2. Trong lĩnh vực nông nghiệp, đối với nhiệm vụ sản xuất thử ở quy mô nhỏ được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị tiếp tục thực hiện nhiệm vụ sản xuất thử ở quy mô lớn hơn để khẳng định kết quả, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thực hiện nhiệm vụ.

3. Đối với nhiệm vụ xếp loại ở mức “Không đạt”, Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

4. Tài sản được mua sắm, hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh được quản lý, xử lý theo Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Mục 2

ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ, CÔNG NHẬN, CÔNG BỐ VÀ QUYỀN SỞ HỮU, QUYỀN SỬ DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẤP TỈNH

Điều 28. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

Tổ chức chủ trì thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ và nộp Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 29. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, bao gồm:

- a) Biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu;
- b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- c) Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu theo Mẫu 10 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này;
- d) Ý kiến của các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập (nếu có).

2. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Mẫu 11 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 30. Công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ

Nhiệm vụ sau khi có quyết định công nhận kết quả được công bố dưới các hình thức sau:

1. Xuất bản kỷ yếu kết quả các nhiệm vụ hàng năm hoặc 05 năm.
2. Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử (skhcn.namdinh.gov.vn hoặc khcnnamdinh.vn) của Sở Khoa học và Công nghệ Nam Định.
3. Đăng tải trên Tập san Thông tin Khoa học và Công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ Nam Định.

Điều 31. Quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả

Quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện theo Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xác định Danh mục các nhiệm vụ; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
2. Ký hợp đồng đặt hàng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
3. Phối hợp với Sở Tài chính trong tổng hợp và cân đối kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh để bố trí vào kế hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm;
4. Chủ trì kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Quy định này;
5. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
6. Mời đại diện cơ quan đề xuất đặt hàng (đại diện sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện) sử dụng kết quả nghiên cứu tham dự các cuộc họp hội đồng khoa học và công nghệ xác định nhiệm vụ, hội đồng khoa học và công nghệ tuyển chọn hoặc giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ, hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 33. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp tổ chức thẩm định kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
2. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong tổng hợp và cân đối kinh phí thực hiện các nhiệm vụ để bố trí vào kế hoạch ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm.

Điều 34. Trách nhiệm của cơ quan đề xuất đặt hàng

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh với Sở Khoa học và Công nghệ.
2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ; tuyển chọn, xét giao trực tiếp; đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, hội đồng tuyển chọn, xét giao trực tiếp và hội đồng đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

5. Tổ chức tiếp nhận và chịu trách nhiệm ứng dụng và nhân rộng các kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do sở, ban ngành, huyện đã đề xuất đặt hàng. Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 35. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì lựa chọn cá nhân đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định đã ban hành và phải báo cáo bằng văn bản với Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở Khoa học và Công nghệ và trách nhiệm của bên đặt hàng với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ và sở, ban ngành, huyện chủ quản theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

8. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

10. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

11. Kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

Điều 36. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt.

2. Ký hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

5. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ (06 tháng một lần), báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì.

Điều 37. Trách nhiệm của tổ chức và chuyên gia tư vấn độc lập

1. Phân tích, đánh giá và đưa ra các ý kiến phản biện đối với các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp về nội dung, mục tiêu nghiên cứu và kết quả cần phải đạt được của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đánh giá năng lực của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Phân tích, đánh giá và đưa ra các ý kiến về những nội dung đánh giá, các yêu cầu cần bổ sung hoàn thiện và đưa ra mức phân loại của nhiệm vụ theo Mẫu 4a hoặc Mẫu 4b tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này.

3. Trong thời gian được mời tư vấn độc lập phải giữ bí mật thông tin về nhiệm vụ được giao.

4. Không được trao đổi với chủ nhiệm, tổ chức chủ trì nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân khác về các vấn đề có liên quan về nhiệm vụ được giao.

Điều 38. Trách nhiệm của thành viên Tổ chuyên gia

1. Kiểm tra, thẩm định các sản phẩm khoa học công nghệ (Mẫu sản phẩm, mô hình, bản vẽ thiết kế, báo cáo thử nghiệm, ứng dụng, các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm của nhiệm vụ) theo Mẫu 5 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này.

2. Khảo sát tại hiện trường, yêu cầu tổ chức đo kiểm các thông số kỹ thuật của sản phẩm (nếu cần thiết).

3. Lập báo cáo thẩm định sản phẩm theo Mẫu 6 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này và gửi đơn vị quản lý nhiệm vụ ít nhất 02 ngày làm việc trước phiên họp của hội đồng.

Điều 39. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Đình Nghị